

Krông Năng, ngày 15 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đất
để thi hành án và yêu cầu về tính công sức đóng góp

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Ông **Trần Cảnh Toàn**.

- *Thư ký phiên họp:* Ông **Nguyễn Mậu Tuân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên họp:* Ông **Nguyễn Cát Canggih** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Năng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 171/2018/TLST-VDS ngày 25 tháng 6 năm 2019, về việc: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đất để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự và yêu cầu tính công sức đóng góp” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2020/QĐST-VDS ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-VDS ngày 11 tháng 5 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Trương Quang Đ** – chức vụ: Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện K, địa chỉ: 03 – Lê Duẩn - tổ dân phố 9 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Huỳnh Thị L**. Có mặt.

2. Ông **Ngô Công C**. Vắng mặt.

3. Ông **Ngô Công T**. Vắng mặt.

4. Ông **Ngô Công K**. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

5. Cháu **Ngô Công T1**. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố 3 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông **Ngô Công T**, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, xã E – huyện C – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

7. Bà **Trần Thị Kim H**. Có mặt.

Địa chỉ: tổ 3 – tổ dân phố 7 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 13 tháng 6 năm 2019 và tại phiên họp, ông Trương Quang Đ là Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện K trình bày: Theo kết quả xác minh của Chấp hành viên Chi cục thi hành án được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K cung cấp: hộ bà Huỳnh Thị L và ông Ngô Công T có đăng ký sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 17, diện tích 9.680m², địa chỉ thửa đất: thị trấn K, đất đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSD đất số P 173606, vào sổ số 215237 ngày 29/10/1999 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L; giấy chứng nhận QSD đất đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đắc Lắc – Phòng giao dịch K. Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 đề yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của ông Ngô Công T có trong khối tài sản chung hộ gia đình với bà Huỳnh Thị L. Việc yêu cầu Tòa án xác định để nhằm mục đích xác định điều kiện thi hành án của ông Ngô Công T để tổ chức việc thi hành án theo quy định pháp luật.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Trần Thị Kim H trình bày: Khi ông Ngô Công T gây ra cái chết cho cha tôi là Trần Đình S và đã bị xử phạt 13 năm tù, hiện đang chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự, ông Ngô Công T phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng và ông T đã bồi thường được 40.000.000 đồng, còn lại 110.000.000 đồng thì chưa bồi thường cho gia đình chúng tôi. Nay tôi đề nghị Tòa án xác định phần tài sản của ông Ngô Công T trong khối tài sản là diện tích 9.680m² đất của hộ Huỳnh Thị L tại tổ dân phố 3 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắc Lắc để có căn cứ cho việc giải quyết phần trách nhiệm dân sự mà ông Ngô Công T còn phải thực hiện với gia đình chúng tôi.

Ngày 16/8/2019, bà Trần Thị Kim H có đơn yêu cầu về việc tính công sức đóng góp về việc xem xét, giải quyết để tính công sức đóng góp của ông Ngô Công T trong thời gian ở cùng bà Huỳnh Thị L từ năm 2002 đến 2016 (thời gian 14 năm) trên diện tích 9.680m² đất của hộ bà Huỳnh Thị L tại tổ dân phố 3 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắc Lắc để thi hành án nhằm đảm bảo quyền lợi cho mình.

+ Bà Huỳnh Thị L trình bày: Tôi và ông Ngô Công T chung sống với nhau từ năm 1977 tại Quảng Ngãi. Đầu năm 1980, tôi và ông T vào Đắc Lắc sống và cuối năm 1980 thì ông T về quê sinh sống và đã có con riêng. Năm 1984, tôi có khai hoang 01 lô đất tại tổ dân phố 3 – thị trấn K. Đến năm 1986, tôi được nhà nước cấp đất đối với diện tích đất trước đây mà tôi đã khai hoang. Năm 1999, nhà nước đã cấp giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 9.680m², thửa đất 68, tờ bản đồ số 17 mang tên hộ Huỳnh Thị L, khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hộ Huỳnh Thị L thì hộ của tôi có 04 người, gồm: Huỳnh Thị L, chủ hộ; Ngô Công C, sinh năm 1977 là con chủ hộ; Ngô Công K, sinh năm 1980, là con chủ hộ; Ngô Công T, sinh năm 1986, là con chủ hộ. Từ khi khai hoang đến khi cấp đất thì gia đình canh tác và sử dụng ổn định. Đến cuối năm 2002, ông Ngô Công T vào Đắc Lắc (nhà tôi) để sinh sống, lý do là vì vào năm 1980 cho đến năm 2002 thì ông T đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, năm 2002 thì ông T trở về và nhập khẩu trong gia đình tôi. Năm 2016 thì ông T tiếp tục phạm tội nên lại phải tiếp tục đi chấp hành án.

Về tài sản là lô đất có diện tích 9.680m² tại tổ dân phố 3 – thị trấn K thì tôi khẳng định không có phần tài sản của ông T trong diện tích đất trên, vì khi được cấp đất thì gia đình chỉ có 04 người, ông T không có tên trong hộ khẩu. Năm 2002, ông T mới nhập chung vào hộ.

Về công sức đóng góp thì không có công sức đóng góp, tạo lập gì của ông Ngô Công T vì ông T đến năm 2002 mới về sinh sống với mẹ con tôi. Kể từ thời điểm ông T về sinh sống với mẹ con tôi thì ông T thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn cho vợ con, gia đình. Tài sản trên đất tính đến thời điểm hiện nay, ông T không có công sức đóng góp, đầu tư gì chung.

+ Ông Ngô Công C, Ngô Công K và Ngô Công T trình bày: Về nguồn gốc diện tích 9.680m² đất tại tổ 3 – khối 3 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số P173606, được UBND huyện K cấp cho hộ bà Huỳnh Thị L vào ngày 29/10/1999. Về nguồn gốc đất cũng như thời điểm cấp đất thì không có ông Ngô Công T. Việc ông T vào ở rồi nhập khẩu vào hộ gia đình chúng tôi là vào năm 2002, thời điểm sau khi ông T chấp hành án một thời gian dài.

Quan điểm của chúng tôi là ông Ngô Công T không có quyền lợi hay phần nào trong diện tích đất trên. Diện tích 9.680m² đất tại tổ 3 – khối 3 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk là đất của mẹ con chúng tôi, không liên quan đến ông Ngô Công T.

+ Cháu Ngô Công T1 trình bày: Cháu là con ông Ngô Công T, do cháu đang còn nhỏ nên việc tranh chấp, phân chia đất đai như thế nào cháu không biết, không liên quan nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ Quá trình xác minh của Chi cục thi hành án dân sự huyện K tại Trại giam Đ, ông Ngô Công T trình bày: Hiện nay tôi đang phải chấp hành hình phạt tù, tôi không có khoản tiền nào để trả cho người bị hại. Tài sản 9.680m² là của bà Huỳnh Thị L được cấp năm 1999, tôi không có công sức đóng góp để tạo nên tài sản này. Đề nghị cơ quan thi hành án xác minh theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên họp cũng như tại phiên họp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp, người yêu cầu có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên đề nghị tiến hành mở phiên họp theo quy định. Tuy nhiên, việc dân sự còn để kéo dài thời hạn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 6; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 109; Điều 361; điểm g khoản 1 Điều 364 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74 của Luật thi hành án dân sự và khoản 4 Điều 11 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

1. Xác định ông Ngô Công T không có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đối với diện tích đất 9.680m², tại thửa 68, tờ bản đồ số 17 tại thôn H (nay là tổ dân phố 3), thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận số P 173606, do UBND huyện K cấp ngày 29/10/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị L.

2. Trả lại đơn yêu cầu về việc tính công sức đóng góp của ông Ngô Công T cho bà Trần Thị Kim H khi bà H có đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp. Toà án nhân dân huyện Krông Năng nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Quang Đ là Chấp hành viên của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với người có nghĩa vụ thi hành án là ông Ngô Công T. Đối tượng để yêu cầu là quyền sử dụng đất diện tích 9.680m² tại tổ dân phố 3 – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Như vậy việc yêu cầu là: “Xác định quyền sử dụng đất để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự” theo quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bà Trần Thị Kim H có đơn yêu cầu để tính công sức đóng góp của ông Ngô Công T trong thời gian ở cùng bà Huỳnh Thị L từ năm 2002 đến 2016 (thời gian 14 năm) trên diện tích 9.680m² đất của hộ bà Huỳnh Thị L. Như vậy các yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm n khoản 2 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

2.1. Về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đất để thi hành án: Xét thấy, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 17, diện tích 9.680m², tại thôn H (nay là tổ dân phố 3), thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSD đất số P 173606, vào sổ số 215237 ngày 29/10/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị L. Theo hồ sơ để cấp giấy chứng nhận QSD đất (đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất được phòng địa chính huyện K thống nhất vào ngày 12/10/1999 và UBND huyện K cấp giấy chứng nhận vào ngày 29/10/1999) thì thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ hộ gia đình Huỳnh Thị L. Tại sổ hộ khẩu gia đình số 38 của Công an thị trấn K cấp ngày 08/12/2000 thì chủ hộ là bà Huỳnh Thị L và các thành viên là: Ngô Công C – sinh năm 1977, Ngô Công K - sinh năm 1980, Ngô Công T – sinh năm 1986, không có tên ông Ngô Công T.

Mặt khác, về nhân thân của ông Ngô Công T thì thấy: Ngày 27/11/1985, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghĩa Bình tuyên phạt 20 năm tù về tội “Giết người” và “Trộm cắp tài sản của công dân”. Ngày 28/12/1989 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai – Kon Tum tuyên phạt 03 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”, tổng hợp hình phạt còn lại trước đó chưa chấp hành, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 năm 03 tháng 11 ngày tù.

Như vậy, thời điểm được cấp đất cũng như quá trình bà Huỳnh Thị L tạo lập tài sản trên đất thì ông Ngô Công T không cùng chung sống với bà L, không có tên trong sổ hộ khẩu của chủ hộ Huỳnh Thị L nên ông T không có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đối với diện tích đất 9.680m², tại thửa 68, tờ bản đồ số 17 tại thôn H (nay là tổ dân phố 3), thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận số P 173606, do UBND huyện K cấp ngày 29/10/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị L.

2.2. Về yêu cầu tính công sức đóng góp: Quá trình làm việc của Chi cục thi hành án dân sự huyện K với bà Huỳnh Thị L thì bà L trình bày kể từ thời điểm ông T về sinh sống

với bà L (tháng 10/2002) thì ông T thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn rồi đến năm 2016, gây án và hiện đang đi chấp hành án. Tài sản trên đất tính đến thời điểm hiện nay, ông Ngô Công T không có công sức đóng góp, đầu tư gì chung. Ông Ngô Công T và bà Huỳnh Thị L đều xác định ông Ngô Công T không có công sức đóng góp trong thời gian đăng ký nhập khẩu, chung sống với nhau từ năm 2002 đến 2016.

Về yêu cầu tính công sức đóng góp theo đơn yêu cầu của bà Trần Thị Kim H thì thấy, bà H là người yêu cầu nhưng chưa đưa ra được những tài liệu, chứng cứ để chứng minh là ông Ngô Công T đã có công sức đóng góp trong thời gian từ năm 2002 đến 2016 trên diện tích 9.680m², tại thửa 68, tờ bản đồ số 17 tại thôn H (nay là tổ dân phố 3), thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên cần trả lại đơn yêu cầu cho đương sự và khi bà Trần Thị Kim H có đầy đủ tài liệu, chứng cứ thì có quyền làm đơn yêu cầu để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trương Quang Đạt không phải nộp lệ phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền đã nộp tạm ứng.

Bồi lẽ trên .

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 6; khoản 9, 10 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 109; Điều 361; điểm g khoản 1 Điều 364; Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74 của Luật thi hành án dân sự và khoản 4 Điều 11 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố ông Ngô Công T không có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đối với diện tích đất 9.680m², tại thửa 68, tờ bản đồ số 17 tại thôn H (nay là tổ dân phố 3), thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận số P 173606, do UBND huyện K cấp ngày 29/10/1999 cho hộ bà Huỳnh Thị L.

2. Trả lại đơn yêu cầu về việc tính công sức đóng góp của bà Trần Thị Kim H. Bà Trần Thị Kim H có quyền yêu cầu giải quyết lại khi có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên không phải nộp lệ phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0002784 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án huyện K.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Đắk Lắk;

-VKSND huyện Krông Năng;

- Chi cục THADS huyện Krông Năng;

T.M HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

Trần Cảnh Toàn